|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**Số: /2025/TT-BCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO đăng Website**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường**

*Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường; Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực Quản lý thị trường.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) theo dõi, quản lý việc sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thuộc Bộ Công Thương theo dõi, quản lý việc sử dụng Thẻ đối với công chức Quản lý thị trường trên cả nước.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Thẻ có hình chữ nhật bằng nhựa, chiều rộng 53,98mm, chiều dài 85,6mm, độ dày 0,76mm, bốn góc được cắt tròn với bán kính 3,18mm”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Con dấu cơ quan trên Thẻ như sau:

a) Đối với Thẻ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: chữ ký của người cấp Thẻ và con dấu của Bộ Công Thương.

b) Đối với Thẻ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: chữ ký của người cấp Thẻ và con dấu của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.”

3. Sửa đổi điểm c và điểm d khoản 2 Điều 5 như sau:

“c) Phiếu công chức đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) 02 (hai) ảnh màu cỡ 02 cm x 03 cm của công chức được đề nghị cấp Thẻ. Trong đó, công chức chụp ảnh mặc trang phục áo thu đông (áo dài tay, vải màu xanh nhạt, cổ đứng), đội mũ kê-pi, đeo caravat, gắn đầy đủ biển hiệu, cấp hiệu Quản lý thị trường. Ảnh chụp trong thời gian không quá 01 năm tính đến thời điểm lập hồ sơ;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:

“c) Phiếu công chức đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với trường hợp cấp lại Thẻ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường, hồ sơ cấp lại Thẻ phải được gửi về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trước khi hết thời hạn sử dụng của Thẻ ít nhất là 30 ngày làm việc. Trường hợp cấp lại Thẻ quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường, hồ sơ cấp lại Thẻ phải được gửi về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp cấp lại Thẻ.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Công chức Quản lý thị trường nộp lại Thẻ cũ khi được cấp lại Thẻ mới, trừ trường hợp Thẻ bị mất.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thẻ mới, người đứng đầu Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có trách nhiệm giao Thẻ mới, thu lại Thẻ cũ của công chức được cấp Thẻ và có văn bản gửi kèm Thẻ cũ về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước để tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ**

1. Hồ sơ kiến nghị thu hồi Thẻ gồm có:

a) Danh sách công chức bị kiến nghị thu hồi Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến các trường hợp bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và phát triển thị trường trong nước nơi công chức làm việc lập hồ sơ kiến nghị thu hồi Thẻ gửi người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trường hợp Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước không thực hiện kiến nghị thu hồi Thẻ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Chánh Văn phòng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thực hiện kiểm tra và kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi Thẻ theo quy định. Cơ quan quản lý công chức xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định đối với công chức là người có thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện kiến nghị thu hồi Thẻ mà không thực hiện. Kết quả xử lý gửi tới Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước và Bộ Công Thương.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi Thẻ.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Thẻ do người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này ban hành, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước tiến hành thu hồi Thẻ của công chức thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo bằng văn bản kèm Thẻ bị thu hồi về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

6. Đối với Thẻ bị thu hồi, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thực hiện cắt chéo 1/2 (một phần hai) Thẻ để bảo đảm Thẻ không thể tiếp tục được sử dụng. Việc cắt Thẻ được lập thành biên bản.

7. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định thu hồi Thẻ đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường.”.

6. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 8 như sau:

“2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước lập hồ sơ kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ gửi người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trường hợp Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước không thực hiện kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Chánh Văn phòng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thực hiện kiểm tra và kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo quy định. Cơ quan quản lý công chức xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định đối với công chức là người có thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ mà không thực hiện. Kết quả xử lý gửi tới Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước và Bộ Công Thương.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền ban hành quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ do người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này ban hành, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước tiến hành thu giữ Thẻ của công chức thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo bằng văn bản kèm Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.”.

7. Bãi bỏ khoản 7 và khoản 8 Điều 3.

8. Thay thế, bỏ từ, cụm từ tại một số điều sau đây:

a) Bỏ cụm từ “, Trưởng các phòng thuộc các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường” tại tên khoản 1 Điều 9;

b) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 6 Điều 8; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 9;

c) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại điểm a khoản 1 và tên khoản 2 Điều 9.

9. Thay thế các Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 và Phụ lục số 5.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“**Điều 4. Định hướng chương trình kiểm tra**

1. Định hướng chương trình kiểm tra là văn bản xác định phương hướng chung về mục đích, yêu cầu, nhóm đối tượng được kiểm tra hoặc lĩnh vực, địa bàn cần tập trung kiểm tra đối với hoạt động kiểm tra theo kế hoạch trong 01 (một) năm của lực lượng Quản lý thị trường do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt theo đề nghị của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

2. Căn cứ tình hình thị trường, yêu cầu công tác quản lý thị trường trong nước hoặc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc cơ quan có thẩm quyền, Cục Quản lý và phát triển thị trường trong nước (sau đây gọi tắt là Cục) chủ trì xây dựng, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Định hướng chương trình kiểm tra của năm tiếp theo trước ngày 15 tháng 11 hằng năm.

3. Định hướng chương trình kiểm tra được gửi cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để biết, phối hợp công tác; gửi Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Công Thương), Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương (sau đây gọi tắt là Chi cục Quản lý thị trường) để tổ chức thực hiện; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục và của Bộ Công Thương.

4. Trường hợp cần thiết điều chỉnh nội dung Định hướng chương trình kiểm tra đã được phê duyệt, Cục báo cáo, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định. Văn bản điều chỉnh nội dung Định hướng chương trình kiểm tra được gửi cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Kế hoạch kiểm tra của Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục (sau đây gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ) và Chi cục Quản lý thị trường bao gồm:”;

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“**Điều 6. Xây dựng, phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra**

1. Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ của Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Quản lý thị trường thực hiện như sau:

a) Căn cứ tình hình thị trường, yêu cầu công tác quản lý thị trường trên địa bàn, Định hướng chương trình kiểm tra đã được phê duyệt và theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên có thẩm quyền, trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ xây dựng trình Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (sau đây gọi tắt là Cục trưởng) xem xét, phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ năm tiếp theo của Phòng Nghiệp vụ; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường xây dựng, trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ năm tiếp theo của Chi cục.

 Hồ sơ trình bao gồm: tờ trình người có thẩm quyền đề nghị phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ và dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ kèm theo dự thảo kế hoạch kiểm tra định kỳ của Phòng Nghiệp vụ hoặc Chi cục Quản lý thị trường;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, người có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ của Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Quản lý thị trường;

c) Ngay sau khi được ban hành, quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ của Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Quản lý thị trường phải được gửi cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra, niêm yết công khai tại trụ sở đơn vị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

2. Việc xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Quản lý thị trường thực hiện như sau:

a) Căn cứ chỉ đạo bằng văn bản của cơ quan cấp trên có thẩm quyền hoặc căn cứ tình hình diễn biến thị trường phát sinh những vấn đề, lĩnh vực, nội dung, địa bàn cần phải tập trung kiểm tra trên địa bàn địa phương trong từng thời điểm mà không thuộc phạm vi, nội dung của kế hoạch kiểm tra định kỳ đã được ban hành, Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Quản lý thị trường chủ động xây dựng, quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề;

b) Ngay sau khi được ban hành, quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Quản lý thị trường phải gửi được đến cơ quan cấp trên trực tiếp để báo cáo, theo dõi, giám sát việc thực hiện; gửi cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra, niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

3. Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Đội Quản lý thị trường được thực hiện như sau:

a) Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Đội Quản lý thị trường, trình Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp phê duyệt.

Hồ sơ trình bao gồm tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên đề và dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên đề kèm theo dự thảo kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Đội Quản lý thị trường;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Đội Quản lý thị trường;

c) Ngay sau khi ban hành, quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Đội Quản lý thị trường phải được gửi cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra, niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục Quản lý thị trường (nếu có).

4. Trường hợp phát hiện kế hoạch kiểm tra có chồng chéo, trùng lặp về đối tượng, nội dung kiểm tra và thời gian thực hiện với các kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt hoặc ban hành trước đó, cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền và cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý nội dung chồng chéo, trùng lặp.

5. Trường hợp cần thiết sửa đổi, bổ sung nội dung kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt hoặc ban hành, cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường thực hiện kế hoạch kiểm tra báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành kế hoạch kiểm tra xem xét, quyết định.

Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra hoặc quyết định sửa đổi, bổ sung kế hoạch kiểm tra của người có thẩm quyền được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

6. Cục trưởng, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm tra của các cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường trực thuộc; kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian kiểm tra; xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân để xảy ra tình trạng trùng lặp, chồng chéo trong xây dựng, ban hành, thực hiện kế hoạch kiểm tra.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Kết thúc thời gian thực hiện kế hoạch kiểm tra hoặc khi có yêu cầu đột xuất, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp bằng văn bản về kết quả kiểm tra theo kế hoạch. Báo cáo phải nêu rõ lý do, nguyên nhân, trách nhiệm cụ thể trong trường hợp kế hoạch kiểm tra có nội dung không hoàn thành và các đề xuất, kiến nghị (nếu có).”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

“a) Thông tin từ văn bản chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương, Cục trưởng, Giám đốc Sở Công Thương yêu cầu kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật cụ thể;”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính đến người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xem xét, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp thì sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, phải báo cáo ngay cơ quan Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp để kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Trực tiếp tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính hoặc có văn bản yêu cầu cơ quan, công chức Quản lý thị trường cấp dưới tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp chưa đủ căn cứ để ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“**Điều 25. Thủ tục trình vụ việc vi phạm hành chính đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Cơ quan Quản lý thị trường báo cáo Sở Công Thương cấp trên trực tiếp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xem xét, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp sau đây:

a) Vụ việc có nhiều vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, trong đó có vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường;

b) Vụ việc vi phạm hành chính vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường và Giám đốc Sở Công Thương.

2. Đội Quản lý thị trường đang thụ lý vụ việc vi phạm hành chính có trách nhiệm:

a) Chuyển hồ sơ vụ việc đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vi phạm hành chính để xem xét, quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Chuyển giao ngay hồ sơ vụ việc sau khi lập biên bản vi phạm hành chính cho Chi cục Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp xem xét, báo cáo Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp vụ việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Chi cục Quản lý thị trường báo cáo Sở Công Thương trình hồ sơ vụ việc vi phạm đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vụ việc vi phạm hành chính xem xét, quyết định việc xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với vụ việc quy định tại điểm b khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều này.

4. Phòng Nghiệp vụ trình hồ sơ vụ việc vi phạm đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương nơi xảy ra vụ việc vi phạm hành chính để xem xét, quyết định việc xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Thời hạn trình và hồ sơ, tài liệu vụ việc vi phạm hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thẩm quyền xử phạt thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Hồ sơ vụ việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính được bảo quản và lưu trữ theo quy định như sau:

a) Cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính chịu trách nhiệm lưu trữ bản chính hồ sơ vụ việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính khi kết thúc vụ việc;

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường trình hoặc báo cáo Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì cơ quan Quản lý thị trường đề xuất xử phạt vi phạm hành chính phải lưu trữ bản sao hồ sơ vụ việc, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân địa phương có yêu cầu khác.”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 31 như sau:

“b) Chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết và có căn cứ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 34 như sau:

“5. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường chịu trách nhiệm tổng hợp, xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin về quản lý địa bàn trong phạm vi địa bàn được giao và thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường.

6. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin về quản lý địa bàn trong phạm vi địa bàn được giao và thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Cục trưởng.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 35 như sau:

“7. Hoạt động thu thập, thẩm tra, xác minh thông tin của công chức Quản lý thị trường được giao nhiệm vụ thuộc Phòng Nghiệp vụ hoặc Đội Quản lý thị trường trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường được tiến hành ngoài trụ sở cơ quan, đơn vị phải được ghi trong sổ Nhật ký công tác để quản lý, theo dõi, giám sát.”.

12. Sửa đổi, bổ sung tên khoản 1 và tên khoản 2 Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 1 như sau:

“1. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có trách nhiệm:”;

b) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 2 như sau:

“2. Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:”.

13. Bãi bỏ Điều 12 và Điều 30.

14. Thay thế từ, cụm từ tại một số điều sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý lý thị trường” tại khoản 3 Điều 5;

b) Bổ sung cụm từ “Nghiệp vụ” vào sau cụm từ “Trưởng phòng” tại tên khoản 1 Điều 7;

c) Thay thế cụm từ “Cục trưởng” bằng cụm từ “người đứng đầu cơ quan” tại điểm c khoản 1 Điều 7;

d) Thay thế cụm từ “hoặc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản nếu thuộc trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức” bằng cụm từ “hoặc ban hành quyết định xử phạt vi phạm tại chỗ nếu thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản” tại điểm b khoản 2 Điều 18;

d) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng” bằng cụm từ “Cục trưởng” tại khoản 7 Điều 34;

đ) Thay thế cụm từ “Cục nghiệp vụ, Cục cấp tỉnh” bằng cụm từ “Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Quản lý thị trường” tại khoản 2 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 38;

e) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng” bằng cụm từ “Cục trưởng, Giám đốc Sở Công Thương” tại điểm đ khoản 2 Điều 38;

g) Thay thế cụm từ “Cục trưởng cấp trên trực tiếp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 3 Điều 38.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thuộc Bộ Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Chi cục Quản lý thị trường) và các tổ chức hành chính trực thuộc các cơ quan nêu trên (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường); công chức làm việc tại cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là công chức).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Biểu mẫu được sử dụng và các tài liệu khác có liên quan được đưa vào hồ sơ vụ việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, đánh bút lục, lưu trữ dưới dạng điện tử và lưu trữ bằng giấy theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“5. Số hiệu của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường và các cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường trực thuộc do Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước quy định cụ thể.”.

4. Thay thế từ, cụm từ tại một số điều sau:

a) Thay thế cụm từ “Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 4 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 8;

b) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 1 Điều 7;

c) Thay thế cụm từ “Tổng cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh hoặc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước hoặc Chi cục Quản lý thị trường” tại khoản 2 Điều 6;

d) Thay thế Phụ lục Biểu mẫu sử dụng trong hoạt động kiểm tra và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BCT bằng Phụ lục Biểu mẫu sử dụng trong hoạt động kiểm tra và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Báo cáo chuyên đề do Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trực thuộc Bộ Công Thương, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là Chi cục Quản lý thị trường) ban hành hoặc do cơ quan có thẩm quyền ban hành có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Nội dung báo cáo định kỳ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành chế độ báo cáo. Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (sau đây gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ), Chi cục Quản lý thị trường căn cứ nội dung thông tin của báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện báo cáo, trừ những nội dung báo cáo nội bộ phải có sự cho phép của cơ quan Quản lý thị trường hoặc người có thẩm quyền quy định tại Phụ lục III, IV và V của Thông tư này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đối với báo cáo định kỳ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này, cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo và cơ quan nhận báo cáo bao gồm:

a) Đội Quản lý thị trường báo cáo Chi cục Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp;

b) Phòng Nghiệp vụ báo cáo Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước; Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh báo cáo Sở Công Thương và Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

c) Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước báo cáo Bộ Công Thương.”.

4. Bãi bỏ khoản 3, Mục II, Phụ lục II; khoản 2, khoản 6 và khoản 7 Mục II, Phụ lục III; khoản 2, khoản 7 và khoản 8 Mục II, Phụ lục IV; khoản 2, khoản 8 và khoản 9 Mục II, Phụ lục VI.

5. Thay thế từ, cụm từ tại một số điều sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước; Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường” tại khoản 3 Điều 5;

b) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 4 và khoản 5 Điều 5; khoản 2 và khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 11;

c) Thay thế cụm từ “Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 2 Điều 7.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BCT ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức Quản lý thị trường**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với công chức Quản lý thị trường làm việc tại Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trực thuộc Bộ Công Thương, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là Chi cục Quản lý thị trường) và các tổ chức hành chính trực thuộc các cơ quan nêu trên.”.

Thay thế từ, cụm từ tại một số điều sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh” bằng cụm từ “Chi cục Quản lý thị trường” tại điểm b khoản 5 Điều 6;

b) Thay thế cụm từ “Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại điểm b khoản 5 Điều 6.

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định số hiệu công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp**

 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“2. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trực thuộc Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là cơ quan Quản lý thị trường ở trung ương), Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh) và các tổ chức hành chính trực thuộc các cơ quan nêu trên.”.

2. Thay thế từ, cụm từ tại các điều sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cùm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 3 Điều 3; khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 5;

b) Thay thế cụm từ “Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Văn phòng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại điểm a khoản 2 Điều 4.

3. Thay thế Phụ lục Mẫu số hiệu công chức ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bằng Phụ lục Mẫu số hiệu công chức ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Thẻ Kiểm tra thị trường còn thời hạn hiệu lực được Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường cấp cho công chức Quản lý thị trường trước ngày 31 tháng 3 năm 2025 còn thời hạn hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên Thẻ Kiểm tra thị trường trong trường hợp thời hạn hiệu lực kết thúc trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 của các Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 năm 2025 tiếp tục được Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các Đội Quản lý thị trường trực thuộc thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 thì Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản đề nghị Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước xem xét, phê duyệt.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Bãi bỏ Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 54/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [18/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cong-vu-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-426091.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số [20/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-20-2019-tt-bct-kiem-tra-viec-chap-hanh-phap-luat-luc-luong-quan-ly-thi-truong-428224.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ;- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương;- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;- Công báo;- Các Lãnh đạo Bộ;- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;- Lưu: VT, PC, TTTN (08). | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Hồng Diên** |